

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 1- HÀ NỘI**

Bản án số: 272/2026/HS-ST

Ngày 24/04/2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HÀ NỘI**

**- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:**

- Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Nguyệt**

- Các Hội thẩm nhân dân: 1 - Ông **Phạm Bá Xuân**

2 - Bà **Chu Thị Ngọc**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Thúy Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà **Trương Thùy Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 04 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 259/2026/TLHS-ST ngày 15/04/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 407/2026/QĐXXST-HS ngày 16/04/2026 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Thị Thu H** – Sinh năm 1980; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Phòng 206 **D T Q, phường B, thành phố Hà Nội**; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Nguyễn Văn T** (đã chết); con bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1954; Bị cáo là con duy nhất; Có chồng **Trần Viết T1**, sinh năm 1971; Có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009; Theo lý lịch địa phương cung cấp và DCB số 2702 ngày 16/07/2025 tại PC11A- **C2**; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 08/07/2025; Hủy bỏ tạm giữ ngày 17/7/2025. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. ( Có mặt tại phiên tòa ).

**2. Lê Công N** – Sinh năm 1984; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: **Số I ngách A N, phường V, thành phố Hà Nội**; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Lê Công C**, sinh năm 1954; con bà **Trần Thị N1**, sinh năm 1957; Gia đình có 03 anh chị em bị cáo là con thứ Nhất; Có vợ **Đỗ Thị H1**, sinh năm 1983; Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016; Theo lý lịch địa phương cung cấp và DCB số 2704 ngày 16/07/2025 tại PC11A- **C2**; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 08/07/2025; Hủy bỏ tạm giữ ngày 17/07/2025.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. ( *Có mặt tại phiên tòa* ).

**3. Nguyễn Văn T2** – Sinh năm 1983; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Xóm E thôn K, xã T, TP Hà Nội**; Nơi ở: **số H A, phường Ô, TP Hà Nội**; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Nguyễn Văn Á**, sinh năm 1955; con bà **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1956; Gia đình có 04 anh chị em bị cáo là con thứ hai; Có vợ **Nguyễn Thị T3**, sinh năm 1983; Có 01 con sinh năm 2014; Theo lý lịch địa phương cung cấp và DCB số 2703 ngày 16/07/2025 tại **PC11A-C2**. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 08/07/2025; Hủy bỏ tạm giữ ngày 17/07/2025. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ( *Có mặt tại phiên tòa* ).

**4. Phạm Lệ T4** – Sinh năm 1961; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **số G Q, phường K, thành phố Hà Nội**; Nơi ở: **số A ngõ A T, phường V, thành phố Hà Nội**; Nghề nghiệp: Bác sĩ; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Phạm Văn G**, sinh năm 1936; con bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1938; Gia đình có 04 anh chị em bị cáo là con thứ nhất; Có chồng **Nguyễn Phi H2**, sinh năm 1958; Có 02 con, con lớn sinh năm 1984, con nhỏ sinh năm 1991;

Theo lý lịch địa phương cung cấp và DCB số 011 ngày 19/01/2026 tại **C3**, TP Hà Nội. Tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ( *Có mặt tại phiên tòa* ).

**5. Trần Văn T5** – Sinh năm 1993; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **tổ dân phố V, phường T, tỉnh Thanh Hóa**; Nơi ở: **Phòng A Chung cư M, số D T, phường T, thành phố Hà Nội**; Nghề nghiệp: Bác sĩ; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Trần T6**, sinh năm 1958; con bà **Lê Thị H3**, sinh năm 1955; Gia đình có 02 anh chị em bị cáo là con thứ hai; Có vợ **Trần Thị T7**, sinh năm 1993; Có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2024;

Theo lý lịch địa phương cung cấp và DCB số 012 ngày 19/01/2026 tại **C3**, TP Hà Nội.

Tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ( *Có mặt tại phiên tòa* ).

**\* Bị hại:**

**1. Chị Đỗ Thị Thu H4**, sinh năm 1985; Địa chỉ: **xóm A xã Y, tỉnh Ninh Bình**. ( *Vắng mặt tại phiên tòa* )

**2. Chị Phạm Nguyễn Bảo T8**, sinh năm 2005; Địa chỉ: **xã T, tỉnh Đồng Tháp**. ( *Vắng mặt tại phiên tòa* )

**3. Chị Nguyễn Thị N2**, sinh năm 1992; Địa chỉ: **thôn K, xã C, thành phố**

**Hải Phòng** (Vắng mặt tại phiên tòa)

4. **Chị Nguyễn Thị N3**, sinh năm 1990; Địa chỉ: **xóm Q, xã B, tỉnh Nghệ An** (Vắng mặt tại phiên tòa)

5. **Chị Vũ Thị V1**, sinh năm 1983; Địa chỉ: **T, xã N, tỉnh Ninh Bình** (Vắng mặt tại phiên tòa)

6. **Chị Vũ Thị Hồng H5**, sinh năm 1986; Địa chỉ: **T, xã N, tỉnh Ninh Bình** (Vắng mặt tại phiên tòa)

7. **Chị Lê Thị Quỳnh N4**, sinh năm 1979; Địa chỉ: **tổ dân phố Đ, phường Y, tỉnh Lào Cai** (Vắng mặt tại phiên tòa)

8. **Chị Vũ Thị H6**, sinh năm 1978; Địa chỉ: **Lô A, mặt bằng A, phố T, phường Q, tỉnh Thanh Hóa** (Vắng mặt tại phiên tòa)

9. **Chị Phạm Thị Kim H7**, sinh năm 1990; Địa chỉ: **H, xã C, thành phố Hà Nội** (Vắng mặt tại phiên tòa)

10. **Chị Nguyễn Thị Diệu H8**, sinh năm 1988; Địa chỉ: **B đường M, phường N, tỉnh Ninh Bình** (Vắng mặt tại phiên tòa)

11. **Chị Mạc Phương A**, sinh năm 1992; Địa chỉ: **số F ngõ A K, phường B, thành phố Hà Nội** (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/7/2025, kênh truyền hình VTV phát phóng sự phản ánh về một số đối tượng cò mồi có hành vi chèo kéo bệnh nhân khi đến **Bệnh viện P** khám để giới thiệu và đưa các phòng khám tư nhân tại **số D T, 57 Thợ Nhuộm, B T** (gần Bệnh viện) để khám bệnh và hưởng tiền hoa hồng từ các phòng khám.

Quá trình điều tra xác định nội dung vụ án như sau:

**\* Đối với phòng khám T13 44 T, phường C, Hà Nội:**

**Nguyễn Thị Thu H** học lớp Điều dưỡng tại **trường T14**. Ngày 20/3/2024, **Nguyễn Thị Thu H** mở phòng khám sản, phụ khoa “Thu Hương” tại địa chỉ: **số D Thợ Nhuộm** để khám chữa các bệnh về sản phụ khoa, siêu âm (theo Giấy phép kinh doanh số: 3753/NHO-GPHĐ do **Sở Y tế thành phố H** cấp). Để phục vụ hoạt động của phòng khám, **H** thuê **Phạm Lê T9** (là bác sĩ, theo giấy chứng nhận hành nghề số: 3966/GCN.2024-B27 cấp ngày 08/7/2024), **Trần Văn T5** (là bác sĩ, theo giấy chứng nhận hành nghề số: 015919/TH-CCHN cấp ngày 19/8/2019) và 05 nhân viên làm lễ tân tiếp đón khách gồm: **Triệu Thị C1** (sinh năm: 1991, trú tại: **H, H, phường C, Tp Hà Nội**), **Đinh Thị Á** (sinh năm: 1996, trú tại: **số B tổ G xã X, Tp Hà Nội**), **Nguyễn Thu T10** (sinh năm: 1997, trú tại: **H, H, phường C, Tp Hà Nội**), **Bùi Hằng N5** (sinh năm: 2001, trú tại: **H, H, phường C, Tp Hà Nội**), **Phạm Thị T11** (sinh năm: 2001, trú tại: **D K, T, phường T, Tp Hà Nội**). Trong quá trình hoạt động, **H** đã móc nối với **Lê Công N** và **Nguyễn Văn T2** là các đối tượng cò mồi tại khu vực cổng Bệnh viện Phụ sản Trung ương, **Bệnh viện K1** để đưa khách đến

phòng khám của H. Cách thức hoạt động của N và T2 như sau: Tại khu vực cổng Bệnh viện P, T2 đứng tại điểm đỗ xe khách, xe taxi trả khách đón xuống xe và chỉ ra chỗ N đứng. Lúc này, N mặc áo bảo vệ màu xanh (giống áo bảo vệ trông xe của Bệnh viện P). Khi N nhìn thấy T2 chỉ bệnh nhân đến hỏi thì N nói với bệnh nhân là Bệnh viện đang sửa chữa và muốn khám thì N dẫn đi phóng khám tư nhân bên ngoài có bác sĩ H là bác sĩ chuyên khoa sản của Bệnh viện P. Nếu bệnh nhân đồng ý thì N chỉ đường để bệnh nhân tự đi hoặc thuê xe ôm để đến phòng khám chuyên khoa sản tại D Thợ N. Sau đó, N gọi điện thoại cho H báo đặc điểm của bệnh nhân gồm tên, biển số xe để H biết và trả tiền hoa hồng cho N và T2. Khi bệnh nhân đến phòng khám (đi một mình hoặc đi cùng N, T2), nhân viên của phòng khám là N5, Phạm Thị T11, Nguyễn Thu T10, A hướng dẫn bệnh nhân làm các thủ tục như mua sổ khám, làm các xét nghiệm, siêu âm theo yêu cầu chỉ định của H và bác sĩ T9. Khi bệnh nhân đồng ý làm các thủ tục, nhân viên phòng khám hướng dẫn đóng các loại tiền, lệ phí khám. Bệnh nhân trả tiền mặt hoặc chuyển khoản đến số tài khoản 09310042090033 mang tên Nguyễn Thị Thu H tại Ngân hàng M. Tại phòng khám, H trực tiếp làm các xét nghiệm cho bệnh nhân và đánh máy, in kết quả xét nghiệm rồi đưa cho bệnh nhân để sang gặp bác sĩ T9 để chuẩn đoán. Sau khi có kết quả chuẩn đoán, H trực tiếp kê đơn thuốc cho bệnh nhân rồi hẹn ngày để khám lại. Tiền hoa hồng mà H trả cho N và T2 là 10%, trả cho T9 là 05% trên tổng số tiền mà bệnh nhân phải đóng cho phòng khám.

Tang vật thu giữ: 01 máy in màu đen đã qua sử dụng mang nhãn hiệu EPSON L3250; 01 kính hiển vi màu trắng đã qua sử dụng mang nhãn hiệu OLYMPUS; 02 cây máy tính để bàn màu đen đã qua sử dụng, thân máy có tem THÁNH GIÓNG.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc điện thoại di động S A71; 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone XSmax màu vàng;

- 01 (một) áo sơ mi màu xanh dài tay, kiểu dáng áo bảo vệ.

Tại bản Kết luận giám định số 8455/KL-KTHS của Phòng K2 - Công an thành phố H xác định: “*Chữ viết phần nội dung trên các mẫu cần giám định với chữ viết đúng tên Nguyễn Thị Thu H trên mẫu so sánh là chữ do cùng một người viết ra*”.

Ngày 08/7/2025, Sở y tế thành phố H có công văn số 3477 về việc xác định quy trình khám, chữa bệnh xác định: Theo hồ sơ cấp phép của Sở Y tế: Phòng khám chuyên khoa Phụ sản Thu Hương được Sở Y tế cấp Giấy phép hoạt động số 3753/HNO-GPHĐ ngày 23/3/2024 chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật là bác sĩ Phạm Lệ T4 (số CCHN:00176/HNO-CCHN) kèm theo Danh sách đăng ký hành nghề (gồm bác sĩ Phạm Lệ T4 phạm vi hành nghề: Khám, chữa bệnh Phụ khoa-KHHGD, thời gian đăng ký hành nghề: Từ 07h00 đến 20h00 trong ngày – tất cả các ngày trong tuần và bác sĩ Nguyễn Minh Đ: Số CCHN: 005027/BYT-CCHN,

phạm vi hành nghề: siêu âm sản phụ khoa, thời gian đăng ký hành nghề: từ 18h00 đến 20h00 trong ngày – thứ 2, thứ 3, thứ 4, thứ 6 và từ 08h00 đến 18h30 trong ngày thứ 7 và chủ nhật). Phòng khám được Sở Y tế cấp Quyết định số 840/QĐ-SYT ngày 20/3/2024 và Quyết định số 3685/QĐ-SYT ngày 13/12/2024 về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật. Quy trình khám, chữa bệnh của Phòng khám (Theo quy định tại Luật Khám, chữa bệnh ngày 09/01/2023, Thông tư số 32/2023/TT-BYT của Bộ Y, Thông tư số 23/2024/TT-BYT) chưa thực hiện đúng quy trình khám chữa bệnh theo quy định.

Quá trình điều tra đến nay, Nguyễn Thị Thu H, Lê Công N, Nguyễn Văn T2 đã thực hiện hành vi vi phạm quy định về khám bệnh, chữa bệnh đối với 11 người gây thiệt hại là 101.530.000 đồng trong khoảng thời gian từ ngày 16/2/2025 đến ngày 28/6/2025, cụ thể như sau:

1. Chị **Đỗ Thị Thu H4** (sinh năm: 1985; trú tại: **xóm A xã Y, tỉnh Ninh Bình**) là bệnh nhân khám ngày 16/02/2025 thực hiện việc khám tổng quát, siêu âm tử cung, soi tử cung và làm các xét nghiệm liên quan đến tử cung, siêu âm ổ bụng với tổng số tiền 12.140.000 đồng. Chị **H4** yêu cầu bồi thường số tiền 12.140.000 đồng.

2. Chị **Phạm Nguyễn Bảo T8** (sinh năm: 2005; trú tại: **xã T, tỉnh Đồng Tháp**) là bệnh nhân khám ngày 23/02/2025 thực hiện việc khám tổng quát và làm các xét nghiệm liên quan đến tử cung với tổng số tiền 2.950.000 đồng. Chị **T8** yêu cầu bồi thường số tiền 2.950.000 đồng.

3. Chị **Nguyễn Thị N2** (sinh năm: 1992; trú tại: **thôn K, xã C, thành phố Hải Phòng**) là bệnh nhân khám ngày 03/3/2025 thực hiện việc làm các xét nghiệm, siêu âm cổ tử cung, khám hiếm muộn, kê đơn thuốc với tổng số tiền 25.000.000 đồng. Chị **N2** yêu cầu bồi thường số tiền 25.000.000 đồng.

4. Chị **Nguyễn Thị N3** (sinh năm: 1990; trú tại: **xóm Q, xã B, tỉnh Nghệ An**) là bệnh nhân khám ngày 02/4/2025 thực hiện việc khám tổng quát, siêu âm tử cung, làm các xét nghiệm liên quan đến tử cung với tổng số tiền 10.320.000 đồng. Chị **N3** yêu cầu bồi thường số tiền 10.320.000 đồng.

5. Chị **Vũ Thị V1** (sinh năm: 1983; trú tại: **T, xã N, tỉnh Ninh Bình**) là bệnh nhân khám ngày 02/5/2025 thực hiện việc làm các xét nghiệm, đốt naboth làm giảm viêm phụ khoa với tổng số tiền 8.500.000 đồng. Chị **V1** yêu cầu bồi thường số tiền 8.500.000 đồng.

6. Chị **Vũ Thị Hồng H5** (sinh năm: 1986; trú tại: **T, xã N, tỉnh Ninh Bình**) là bệnh nhân khám ngày 02/5/2025 thực hiện việc làm các xét nghiệm, đốt naboth làm giảm viêm, đặt vòng nội tiết với tổng số tiền 6.500.000 đồng. Chị **H5** yêu cầu bồi thường số tiền 6.500.000 đồng.

7. Chị **Lê Thị Quỳnh N4** (sinh năm: 1979; trú tại: **tổ dân phố Đ, phường Y, tỉnh Lào Cai**) là bệnh nhân khám ngày 12/5/2025 thực hiện việc làm các xét

nghiệm tổng thể liên quan đến tử cung, làm thủ thuật cắt P1 với tổng số tiền 7.200.000 đồng. Chị N4 yêu cầu bồi thường số tiền 7.200.000 đồng.

8. Chị **Vũ Thị H6** (sinh năm: 1978; trú tại: **Lô A, mặt bằng A, phố T, phường Q, tỉnh Thanh Hóa**) là bệnh nhân khám ngày 04/6/2025 thực hiện việc khám phụ sản, đốt u tử cung, làm xét nghiệm các loại với tổng số tiền 6.720.000 đồng. Chị **H6** yêu cầu bồi thường số tiền 6.720.000 đồng.

9. Chị **Phạm Thị Kim H7** (sinh năm: 1990; trú tại: **H, xã C, Tp Hà Nội**) là bệnh nhân khám ngày 08/6/2025 thực hiện việc làm các xét nghiệm, đốt lộ tuyến cổ tử cung, kê đơn thuốc với tổng số tiền 6.500.000 đồng. Chị **H7** yêu cầu bồi thường số tiền 6.500.000 đồng.

10. Chị **Nguyễn Thị Diệu H8** (sinh năm: 1988; trú tại: **B đường M, phường N, tỉnh Ninh Bình**) là bệnh nhân khám ngày 20/6/2025 thực hiện việc làm các xét nghiệm, làm dịch vụ đốt điện khối u, đặt vòng nội tiết với tổng số tiền 14.000.000 đồng. Chị **H8** yêu cầu bồi thường số tiền 14.000.000 đồng.

11. Chị **Mạc Phương A** (sinh năm: 1992; trú tại: **số F ngõ A K, phường B, Tp Hà Nội**) là bệnh nhân khám ngày 28/6/2025 thực hiện việc làm các xét nghiệm, siêu âm cổ tử cung, kê đơn thuốc với tổng số tiền 1.700.000 đồng. Chị **Phương A** yêu cầu bồi thường số tiền 1.700.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, **Nguyễn Thị Thu H, Lê Công N, Nguyễn Văn T2** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Số tiền **N** và **T2** được hưởng lời là 10.153.000 đồng.

Những người bị hại đều trình bày phù hợp với nội dung vụ án như đã nêu trên và từ chối giám định tỷ lệ tổn hại sức khỏe. Về dân sự, **Nguyễn Thị Thu H** giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 101.530.000 đồng. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng và trao trả số tiền nêu trên cho những người bị hại. Sau khi nhận lại tài sản, những người bị hại không có yêu cầu gì về dân sự.

Những người liên quan là **Triệu Thị C1, Đinh Thị Á, Nguyễn Thu T10, Bùi Hằng N5, Phạm Thị T11**, tài liệu điều tra xác định **C1, A, Thu T10, N5, T10** là nhân viên của **phòng khám T13** và chỉ thực hiện việc đưa đón bệnh nhân, không tham gia hay thực hiện hành vi vi phạm quy định về khám bệnh, chữa bệnh của **Nguyễn Thị Thu H** nên Cơ quan điều tra không đề nghị xem xét xử lý.

Đối với hành vi của **Phạm Lệ T4, Trần Văn T5** và **Nguyễn Minh Đ**, Cơ quan điều tra tách vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ.

Ngày 18/01/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 ra Quyết định trả điều tra bổ sung số 21 yêu cầu làm rõ hành vi của **Phạm Lệ T4, Trần Văn T5** và **Nguyễn Minh Đ**.

Tại Kết luận giám định số 753 ngày 20/01/2026 của **Phòng K2 - Công an T**: *Chữ ký dưới mục “Bác sỹ ký tên” trên các mẫu cần giám định (các mẫu đơn thuốc được ký sẵn để Nguyễn Thị Thu H khi khám cho bệnh nhân để H kê đơn thuốc) với chữ ký dưới mục “Bác sỹ ký tên” trên các mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.*

Tại Cơ quan điều tra, **Phạm Lệ T4** khai là bác sĩ đứng tên trong giấy phép hoạt động của **phòng khám T13**, biết việc **H** không được đào tạo, không có bằng cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh nhưng đã ký sẵn vào mục bác sĩ trong các đơn thuốc để **H** tự kê đơn thuốc cho bệnh nhân. Số tiền **T4** được hưởng là 5.076.500 đồng.

**Trần Văn T5** khai là người được **Nguyễn Thị Thu H** thuê làm việc tại **phòng khám T13**, biết bản thân không phải bác sĩ được đăng ký thực hiện siêu âm sản phụ khoa theo Giấy phép hoạt động số 3753/HNO-GPHĐ ngày 23/3/2024 nhưng vẫn thực hiện việc siêu âm phụ khoa và in phiếu siêu âm, chuẩn đoán hình ảnh mang tên bác sĩ **Nguyễn Minh Đ**.

Người liên quan là **Nguyễn Minh Đ** trình bày: Ông **Đ** là bác sĩ **Bệnh viện B** và ký hợp đồng lao động với **phòng khám T13**, thời gian đăng ký hành nghề: từ 18h00 đến 20h00 trong ngày – thứ 2, thứ 3, thứ 4, thứ 6 và từ 08h00 đến 18h30 trong ngày thứ 7 và chủ nhật. Quá trình phòng khám hoạt động, ông **Đ** không đến làm việc nên không biết việc phòng khám “Thu Hương” vi phạm quy định về khám bệnh, chữa bệnh. Xét thấy, chưa đủ tài liệu chứng minh ông **Đ** đồng phạm với **Nguyễn Thị Thu H** nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý.

**\* Đối với phòng khám C4 Việt trực thuộc Công ty cổ phần D - địa chỉ số E T, phường C, Tp Hà Nội:**

Ngày 04/07/2025, Cơ quan CSĐT - **Công an T** phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành kiểm tra đối với **phòng khám C4** Việt trực thuộc **Công ty cổ phần D** địa chỉ **số E phố T, phường C, Tp Hà Nội**. **Phòng khám C4** Việt hoạt động theo giấy phép hoạt động số: 2976/SYT-GPHĐ/CL1 cấp ngày 14/06/2017. Quá trình điều tra ngày 21/08/2025, Cơ quan CSĐT - **Công an T** đã có Công văn số: 15525/CV-CQĐT gửi **Sở Y** đề nghị cung cấp kết quả kiểm tra đối với phòng khám khi phối hợp với Cơ quan điều tra kiểm tra phòng khám.

Ngày 26/10/2025, **Sở Y** có công văn số: 5962/SYT-NVY thông báo đến Cơ quan CSĐT kết quả phối hợp kiểm tra **phòng khám C4** Việt trực thuộc **Công ty cổ phần C4** như sau:

**Phòng khám C4** trực thuộc **Công ty cổ phần C4** được cấp phép hoạt động số: 2976/SYT-GPHĐ/CL1 cấp ngày 14/06/2017 nhân sự hành nghề tại cơ sở có đủ chứng chỉ hành nghề, đã đăng ký hoạt động đúng quy định. Qua công tác phối hợp với Cơ quan điều tra - **Công an T**, phòng nghiệp vụ Y- **Sở Y** đã nhắc nhở **phòng khám C4** trực thuộc **Công ty cổ phần C4** phải bố trí khu vực lưu trữ chất thải y tế đúng quy định; trường hợp không khắc phục, **Sở Y** sẽ kiểm tra đột xuất và lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính theo quy định. Đồng thời, **Sở Y** tiếp tục phối hợp với **phòng Văn hóa - Xã hội phường C** để giám sát, đôn đốc phòng khám khẩn trương thực hiện các biện pháp khắc phục nêu trên. Quá trình điều tra xác định **phòng khám C4** trực thuộc **Công ty cổ phần C4** không có sai phạm.

**\* Đối với phòng khám S1 - địa chỉ tại: số nhà B, phố T, Phường C, Tp Hà Nội:**

Tại thời điểm kiểm tra phòng khám đã đóng cửa, Cơ quan CSĐT đã tiến hành làm việc với bà **Trịnh Mai T12** (sinh năm: 1959, HKTT: Tổ 1 **phường B, Tp Hà Nội**) là chủ phòng khám, bà **T12** giao nộp đến Cơ quan điều tra Đơn đề nghị đóng cửa hạ biển ngừng hoạt động phòng khám đề ngày 16/06/2025, có xác nhận của phòng y tế. Ngày 18/07/2025 bà **T12** tiếp tục giao nộp Quyết định thu hồi giấy phép hoạt động khám bệnh chữa bệnh số: 1323/QĐ-SYT. Quá trình điều tra phòng khám đã đóng cửa không kiểm tra nên không xác định có vi phạm, không có căn cứ để xử lý.

Lời khai nhận tội của các bị cáo **Nguyễn Thị Thu H**, **Lê Công K**, **Nguyễn Văn T2**, **Phạm Lệ T4**, **Trần Văn T5** phù hợp với lời khai của những bị hại phù hợp vật chứng đã thu giữ và các tài liệu điều tra khác.

Tại bản cáo trạng số 82A/CT-VKS – KV1 ngày 02/04/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hà Nội truy tố bị cáo **Nguyễn Thị Thu H**, **Lê Công K**, **Nguyễn Văn T2**, **Phạm Lệ T4**, **Trần Văn T5** về tội “ Vi phạm quy định về khám bệnh, chữa bệnh” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 315 Bộ luật Hình sự sửa đổi bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hà Nội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 315, điểm b,s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đã sửa đổi bổ sung 2025;

Đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thu H** 18 (Mười tám) tháng tù đến 21 (Hai mươi một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng đến 42 (Bốn mươi hai) tháng.

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 315, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đã sửa đổi bổ sung 2025;

Xử phạt bị cáo **Phạm Lệ T4** 18 (Mười tám) tháng tù đến 21 (Hai mươi một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng đến 42 (Bốn mươi hai) tháng.

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 315, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đã sửa đổi bổ sung 2025;

Xử phạt bị cáo **Trần Văn T5** 15(Mười lăm) tháng tù đến 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng đến 36 (Ba mươi sáu)tháng.

Xử phạt bị cáo **Lê Công N** 15(Mười lăm) tháng tù đến 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng đến 36 (Ba mươi sáu) tháng.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T2** 15(Mười lăm) tháng tù đến 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng đến 36 (Ba mươi sáu) tháng.

\* **Về hình phạt bổ sung:** Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 315 của Bộ luật hình sự đã sửa đổi bổ sung năm 2025 áp dụng hình phạt bổ sung là cấm bị cáo **Phạm Lệ T4**, **Trần Văn T5**, hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong thời hạn 01 (Một) năm.

\* **Về trách nhiệm dân sự:** Bị cáo **Nguyễn Thị Thu H** giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 101.530.000 đồng. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng và trao trả số tiền nêu trên cho những người bị hại. Sau khi nhận lại tài sản, những người bị hại không có yêu cầu gì về dân sự.

\* **Về vật chứng:** Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu xung công quỹ Nhà nước 01 máy in màu đen đã qua sử dụng mang nhãn hiệu EPSON L3250; 01 kính hiển vi màu trắng đã qua sử dụng mang nhãn hiệu OLYMPUS; 02 cây máy tính để bàn màu đen đã qua sử dụng, thân máy có tem THÁNH GIÓNG.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc điện thoại di động **S** A71; 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone XSmax màu vàng;

Tiêu hủy 01 (một) áo sơ mi màu xanh dài tay, kiểu dáng áo bảo vệ.

Truy thu số tiền 5.076.500 đồng bị cáo **Phạm Lệ T4** đã hưởng lợi từ việc kê đơn thuốc cho bệnh nhân và số tiền 10.153.000 đồng số tiền **N** và **T2** được hưởng lợi (gồm bị cáo **Lê Công N** số tiền 5.153.000 đồng (Năm triệu một trăm lăm mươi ba nghìn đồng); bị cáo **Nguyễn Văn T2** số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Toàn bộ vật chứng trên có tình trạng như biên bản bàn giao vật chứng số 370/ KV1- 2026 ngày 22/4/2026 của cơ quan điều tra **Công an thành phố H** với Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Hà Nội.

Tại phiên tòa, các bị cáo **Nguyễn Thị Thu H**, **Lê Công K**, **Nguyễn Văn T2**, **Phạm Lệ T4**, **Trần Văn T5** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố, các bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng các bị cáo **Nguyễn Thị Thu H**, **Lê Công K**, **Nguyễn Văn T2**, **Phạm Lệ T4**, **Trần Văn T5** nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

**NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – thành phố Hà Nội, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét về hành vi bị truy tố :

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Lê Công K, Nguyễn Văn T2, Phạm Lệ T4, Trần Văn T5 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Trong khoảng thời gian từ ngày 16/2/2025 đến ngày 28/6/2025, Nguyễn Thị Thu H, Phạm Lệ T4, Trần Văn T5, Lê Công N, Nguyễn Văn T2 đã thực hiện hành vi vi phạm quy định về khám bệnh, chữa bệnh theo Luật Khám, chữa bệnh ngày 09/01/2023, Thông tư số 32/2023/TT-BYT của Bộ Y, Thông tư số 23/2024/TT-BYT đối với 11 người gây thiệt hại là 101.530.000 đồng tại phòng khám T13 T, phường C, thành phố Hà Nội.

Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Phạm Lệ T4, Trần Văn T5, Lê Công N, Nguyễn Văn T2 về tội “Vi phạm quy định về khám bệnh, chữa bệnh” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 315 Bộ luật Hình sự sửa đổi bổ sung năm 2025 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu. Bị cáo Nguyễn Thị Thu H đã tự nguyện khắc phục hậu quả bồi thường dân sự cho những người bị hại. Trần Văn T5 có bố đẻ ông Trần T6 được tặng Huân chương chiến công Hạng nhì năm 2005, Huân chương Chiến sĩ vẻ vang Hạng nhất năm 1997, Huân chương Chiến sĩ vẻ vang Hạng Ba năm 1997, Huân chương Chiến sĩ Hạng nhì năm 1997, Huy hiệu 45 năm tuổi Đảng năm 2025, Kỷ niệm Chương năm 2007. Do đó các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Phạm Lệ T4, Trần Văn T5, Lê Công N, Nguyễn Văn T2 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đã sửa đổi bổ sung năm 2025.

[5] Về tính chất, mức độ hành vi và vai trò đồng phạm: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến chế độ quản lý dịch vụ y tế của Nhà nước mà còn xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án HĐXX đánh giá vai trò của từng bị cáo như sau: Bị cáo **Phạm Lệ T4** là bác sĩ, là người có giấy phép hành nghề và chịu trách nhiệm về pháp lý, chuyên môn của **phòng khám T13**, biết rõ **Nguyễn Thị Thu H** không có chuyên môn nhưng vẫn giao cho **H** trực tiếp thực hiện ở phòng khám. **H** biết rõ mình không có chuyên môn nhưng vẫn thực hiện các nghiệp vụ khám chữa bệnh và còn tổ chức cho môi giới hoạt động nên vai trò cao nhất và ngang nhau tiếp theo là vai trò của **Trần Văn T5** dù có đủ điều kiện để ký kết quả siêu âm nhưng vẫn ký theo chỉ đạo của **H** để nhân danh người khác sau cùng là các bị cáo **Lê Công N** và **Nguyễn Văn T2** chỉ môi giới ăn hoa hồng. Khi xem xét lượng hình HĐXX xét các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo. Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải xử phạt tù mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách, cải tạo.

\* **Về hình phạt bổ sung:** Áp dụng khoản 4 Điều 315 của Bộ luật hình sự đã sửa đổi bổ sung năm 2025 cấm bị cáo **Phạm Lệ T4**, **Trần Văn T5** hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong một thời gian nhất định.

\* **Về trách nhiệm dân sự:** Những người bị hại đã nhận lại tiền bồi thường và không yêu cầu gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

\* **Về vật chứng:** Tịch thu xung công quỹ Nhà nước 01 máy in màu đen đã qua sử dụng mang nhãn hiệu EPSON L3250; 01 kính hiển vi màu trắng đã qua sử dụng mang nhãn hiệu OLYMPUS; 02 cây máy tính để bàn màu đen đã qua sử dụng, thân máy có tem THÁNH GIÓNG.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc điện thoại di động **S** A71; 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone XSmax màu vàng;

Tiêu hủy 01 (một) áo sơ mi màu xanh dài tay, kiểu dáng áo bảo vệ.

Truy thu số tiền 5.076.500 đồng bị cáo **Phạm Lệ T4** đã hưởng lời từ việc kê đơn thuốc cho bệnh nhân và số tiền 10.153.000 đồng số tiền **N** và **T2** được hưởng lời (gồm bị cáo **Lê Công N** số tiền 5.153.000 đồng (Năm triệu một trăm lăm mươi ba nghìn đồng); bị cáo **Nguyễn Văn T2** số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Toàn bộ vật chứng trên có tình trạng như biên bản bàn giao vật chứng số 370/KV1- 2026 ngày 22/04/2026 của cơ quan điều tra **Công an thành phố H** với Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Hà Nội.

[6] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội và hình phạt đề nghị xử phạt các bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Lê Công K, Nguyễn Văn T2, Phạm Lệ T4, Trần Văn T5 về tội “Vi phạm quy định về khám bệnh, chữa bệnh”**

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 315, điểm b,s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 , Điều 65 Bộ luật hình đã sửa đổi bổ sung năm 2025;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thu H** 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo **Nguyễn Thị Thu H** cho Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Hà Nội, kết hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 315, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 , Điều 65 Bộ luật hình đã sửa đổi bổ sung năm 2025;

Xử phạt bị cáo **Phạm Lệ T4** 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo **Phạm Lệ T4** cho Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Hà Nội, kết hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 315, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 , Điều 65 Bộ luật hình đã sửa đổi bổ sung năm 2025;

Xử phạt bị cáo **Trần Văn T5** 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (B) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo **Trần Văn T5** cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Hà Nội, kết hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo **Lê Công N** 15(Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (B) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo **Lê Công N** cho Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Hà Nội, kết hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T2** 15(Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo **Nguyễn Văn T2** cho Ủy ban nhân dân phường Ô, thành phố Hà Nội, kết hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự, thì tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của luật thi hành án.

\* **Về hình phạt bổ sung:** Áp dụng khoản 4 Điều 315 của Bộ luật hình sự đã sửa đổi bổ sung năm 2025 áp dụng hình phạt bổ sung là cấm bị cáo **Phạm Lê T4**, **Trần Văn T5** hành nghề khám bệnh, chữa bệnh 01 (Một) năm, tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

\* **Về vật chứng:** Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu xung công quỹ Nhà nước 01 máy in màu đen đã qua sử dụng mang nhãn hiệu EPSON L3250; 01 kính hiển vi màu trắng đã qua sử dụng mang nhãn hiệu OLYMPUS; 02 cây máy tính để bàn màu đen đã qua sử dụng, thân máy có tem THÁNH GIÓNG.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc điện thoại di động **S A71**; 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone XSmax màu vàng;

Tiêu hủy 01 (một) áo sơ mi màu xanh dài tay, kiểu dáng áo bảo vệ.

Truy thu số tiền 5.076.500 đồng bị cáo **Phạm Lê T4** đã hưởng lợi từ việc kê đơn thuốc cho bệnh nhân và số tiền 10.153.000 đồng số tiền **N** và **T2** được hưởng lợi (gồm bị cáo **Lê Công N** số tiền 5.153.000 đồng (Năm triệu một trăm lăm mươi ba nghìn đồng ); bị cáo **Nguyễn Văn T2** số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Toàn bộ vật chứng trên có tình trạng như biên bản bàn giao vật chứng số 370/ KV1- 2026 ngày 22/04/2026 của cơ quan điều tra **Công an thành phố H** với Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Hà Nội.

\* **Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2025, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo **Nguyễn Thị Thu H**, **Lê Công K**, **Nguyễn Văn T2**, **Phạm Lê T4**, **Trần Văn T5** mỗi bị cáo phải nộp 200.000(Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

\* **Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo **Nguyễn Thị Thu H**, **Lê Công K**, **Nguyễn Văn T2**, **Phạm Lê T4**, **Trần Văn T5** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND khu vực 1- Hà Nội.
- Công an thành phố Hà Nội.
- Thi hành án khu vực 1- Hà Nội.
- UBND phường Bạch Mai.
- UBND phường Vĩnh Hưng.
- UBND phường Vĩnh Tuy.
- UBND phường Ô Chợ Dừa.
- UBND phường Tương Mai.
- Bị cáo.
- Những người tham gia tố tụng.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thị Nguyệt**

- *Luu HS.*